

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-PT  
Ngày 29-4-2021  
V/v Tranh chấp chia tài sản  
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Hồ Điệp

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Vân Thúy

Bà Bùi Thị Thúy Hà

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2021/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Phạm Tiến A; nơi cư trú: Căn hộ X, chung cư S2, phường Y, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt;

***Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị B, nơi cư trú: PAB tòa CT1, khu đô thị DT, đường EF, phường TM, quận NTL, Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 05/4/2021); có mặt;

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Phi C; nơi cư trú: Số Z đường Ven hồ LT, phường TNH, quận LC, Hải Phòng; có mặt.

*Người kháng cáo*: Anh Phạm Tiến A là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Tiến A trình bày:*

Anh A và chị C đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 49/2014/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2014 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân. Trong đó về tài sản chung, anh A và chị C tự thỏa thuận giải quyết với nhau nhưng sau đó anh A chỉ nhận được một phần tài sản do vợ chồng tạo dựng với số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng do chị C chi trả là không thỏa đáng đối với phần công sức về tài sản anh đã bỏ ra. Để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, anh A yêu cầu chia tài sản chung của anh A và chị C như sau:

1. Giá trị công sức tài sản mà vợ chồng gây dựng nên trong 27 năm qua do một tay chị Nguyễn Thị Phi C quản lý.

2. Giá trị còn lại bằng tiền là khoảng 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng từ việc bán chiếc xe ô tô Gentra gần 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng mà anh A đã cầm 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng. Căn cứ theo bản cam kết chia tài sản do chị C tự đề xuất thì anh A được hưởng 100% giá trị xe.

3. Giá trị tài sản căn nhà và đất tại số 163 Hồ Sen đã giải tỏa và bồi thường khoảng 6.500.000.000 (sáu tỷ năm trăm triệu) đồng nhưng chị C đã tự quyết và chuyển cho anh A 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Căn cứ theo bản cam kết chia tài sản do chị C tự đề xuất thì anh A và con gái Phạm Nguyễn Ngọc J được hưởng 50% giá trị căn nhà.

Nguồn gốc tài sản: Năm 1988, anh A và ông Nguyễn Hữu D (là bố đẻ của chị C) cùng mua và làm một dãy nhà trọ. Toàn bộ số tiền mua đất (92 triệu đồng) là do ông D trả. Toàn bộ số tiền xây nhà trọ là anh A trả.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Phi C trình bày:*

Tài sản chung giữa chị và anh A có 01 xe ô tô 5 chỗ Gentra; 1/2 giá trị mảnh đất (bờ mương Hồ Sen) mua chung với ông Nguyễn Hữu D (là bố đẻ chị C) thuộc khu 2 Dư Hàng Kênh, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và phần kiến trúc xây dựng ngôi nhà tại số 48/87 Nguyễn Công Trứ (nay là 163 Hồ Sen), phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Ngoài ra giữa chị C và anh A không còn tài sản chung nào khác.

Chị C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh A, bởi lẽ:

*Thứ nhất*, về chiếc xe ô tô 5 chỗ Gentra, anh A đã đứng ra bán vào năm 2012 khi vợ chồng sống ly thân (lúc đó anh A ở Vũng Tàu); toàn bộ số tiền bán xe (giá trị xe bán được 280.000.000 đồng) đã được xử lý trả nợ, chi tiêu các khoản của anh A và số tiền còn lại anh A quản lý, chị C không quản lý sử dụng phần tiền nào từ chiếc xe đã bán.

*Thứ hai*, giá trị mảnh đất bờ muong Hồ Sen là do vợ chồng mua chung với ông Nguyễn Hữu D (là bố đẻ chị C) thuộc khu 2 Dư Hàng Kênh, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã bán vào tháng 6/2014 (sau khi ly hôn) và đã được các bên đồng ý thống nhất phân chia theo phần tài sản mà các bên được hưởng (có bản cam kết do các bên lập, cụ thể giá trị mảnh đất là 1.464.000.000 đồng - ông D hưởng 50% giá trị = 732.000.000 đồng; chị C hưởng 25% giá trị = 366.000.000 đồng; anh A hưởng 25% giá trị = 366.000.000 đồng và đều đã nhận đủ số tiền này). Thực tế, theo biên bản tự thỏa thuận về tài sản do chị C lập thì phần tài sản này anh A sẽ cho con Phạm Đức I, nhưng anh A không thực hiện.

*Thứ ba*, giá trị mảnh đất và tài sản gắn liền với đất tại số 48/87 Nguyễn Công Trứ (nay là số 163 Hồ Sen), phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng hiện tại Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng trục đường Hồ Sen - Cầu Rào 2, đoạn từ nút giao Nguyễn Văn Linh đến ngã 3 Chợ Con, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân và được chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất. Cụ thể:

Thu hồi đất ở số thửa 43, tờ bản đồ số 03 (Bản đồ dự án) diện tích thu hồi 52,4 m<sup>2</sup> tại địa chỉ 163A Hồ Sen có nguồn gốc thửa đất do Ủy ban nhân dân quận Lê Chân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK194146, số vào sổ cấp GCN: CH000177, cấp ngày 12/10/2017 tại thửa số 24, tờ bản đồ số 12 (Bản đồ địa chính phường) mang tên Nguyễn Thị Phi C, được chi trả với số tiền đất là (52,4m<sup>2</sup> x 51.100.000 đồng = 2.677.640.000 đồng) và tiền vật kiến trúc là 549.483.337 đồng.

Thu hồi đất ở số thửa 42, tờ bản đồ số 03 (Bản đồ dự án) diện tích thu hồi 51,1 m<sup>2</sup> tại địa chỉ 163B Hồ Sen có nguồn gốc thửa đất do Ủy ban nhân dân quận Lê Chân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK194145, số vào sổ cấp GCN: CH000176, cấp ngày 12/10/2017 tại thửa số 24B, tờ bản đồ số 12 (Bản đồ địa chính phường) mang tên Phạm Đức I được chi trả với số tiền đất là (51,1 m<sup>2</sup> x 51.100.000 đồng = 2.611.210.000 đồng) và tiền vật kiến trúc là 486.574.081 đồng.

Giá trị tài sản mà anh A đòi chi trả, công sức của anh A đóng góp vào nhà đất tại số 163 Hồ Sen, chị C đã tự chuyển cho anh A số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng là 1/2 giá trị phần kiến trúc tại số 163 Hồ Sen do vợ chồng tạo lập (mặc dù chị C cho rằng chị phải được hưởng nhiều hơn do phần kiến trúc đã được sửa chữa lại sau khi ly hôn). Mặt khác, diện tích đất tại số 163 Hồ Sen là của bố mẹ chị C cho vợ chồng ở nhờ và xây dựng kinh doanh nhà trọ, vợ chồng đã khai thác thu lợi chi trả cho cuộc sống gia đình. Trong thời gian vợ chồng còn chung sống không trả khoản tiền nào cho bố mẹ chị C, nên tài sản này cũng đã được giải quyết phân chia xong và vợ chồng cũng như bản thân anh A không có quyền đòi hỏi công sức gì trong tài sản diện tích đất trên.

*Người làm chứng là ông Nguyễn Hữu D, bà Đào Thị E (là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Phi C), các con Phạm Đức I, Phạm Nguyễn Ngọc J (là con chung của anh Phạm Tiến A và chị Nguyễn Thị Phi C có quan điểm thống nhất trình bày:*

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tiến A, không có liên quan gì đến việc phân chia tài sản giữa anh A, chị C sau khi ly hôn và cùng xác định nguồn gốc đất tại số 163 Hồ Sen được hình thành là tài sản của ông Nguyễn Hữu D và bà Đào Thị E mua của vợ chồng ông Nguyễn Đức F và bà Đào Thị H. Sau khi anh A, chị C ly hôn thì vợ chồng ông D, bà E đã làm thủ tục tặng cho riêng mảnh đất trên cho chị C. Chị C tách 1/2 diện tích đất tặng cho cháu Trung (là con trai), phần còn lại chị C sử dụng sinh sống cùng cháu Phạm Nguyễn Ngọc J (là con gái) từ đó cho đến nay và được Ủy ban nhân dân quận Lê Chân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2017. Hiện tại, cả 02 thửa đất nêu trên Nhà nước đã thu hồi toàn bộ. Thực tế, anh A và chị C chỉ có phần kiến thiết trên đất là do hai anh chị bỏ tiền tạo lập xây dựng và kinh doanh (nhà trọ) được ông D, bà E đồng ý cho phép.

Với nội dung trên, tại bản án hôn nhân và gia đình số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã quyết định: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tiến A.

Ngoài ra, bản án có tuyên quyền kháng cáo và án phí đối với các đương sự.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, anh Phạm Tiến A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm:

1. Xem xét lại nguồn gốc nhà đất số 163 Hồ Sen được xác định là tài sản chung của anh A, chị C và chia theo giá bồi thường giải phóng mặt bằng cùng toàn bộ tài sản trên đất để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của anh A. Chị C đã tự viết văn bản thỏa thuận có chữ ký xác nhận của hai bên, đồng ý chia cho anh A

và con gái  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản nhưng chị C lại tự ý sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có Biên bản giao kèo mua bán đất ngày 15/5/1998 thể hiện anh A và chị C cùng đứng tên trên giấy mua bán đất nên phải xác định đây là tài sản chung của vợ chồng.

2. Đối với chiếc xe ô tô 5 chỗ Gentra do anh A bán được 280.000.000 đồng nhưng anh A chỉ sử dụng 30.000.000 đồng. Sau đó, một vài lần, chị C có gửi tiền cho anh tổng cộng là 100.000.000 đồng nhưng phần này là kinh tế chung của gia đình trong 27 năm chung sống chứ không phải tiền bán xe ô tô. Theo biên bản thỏa thuận do chị C tự viết thì anh A phải được hưởng 100% giá trị xe.

3. Các tài sản khác chưa được tòa án cấp sơ thẩm xem xét kỹ lưỡng và chưa được giải quyết thỏa đáng là:

Gian nhà giáp đuôi nhà ông D tại khu tập thể phát điện là do anh A và chị C mua từ năm 1986 nhưng trong thời gian từ năm 1989 -1991 anh A đi công tác ở Nga, ông D đã bán căn nhà này mà không trả tiền cho anh A.

Đối với gian nhà kho giáp căn nhà 18 Hoàng Quý của ông D, năm 2001, anh A, chị C về ở với ông D và đã đứng tên hợp pháp hóa gian nhà này nhưng sau này ông D đã bán căn nhà 18 Hoàng Quý cùng gian nhà kho đó.

Anh A bỏ nhiều công sức cùng ông D tu tạo căn nhà tại chợ Máy Đá giúp ông D thu lời nhiều lần khi ông D bán đi nhưng ông D cũng không ghi nhận công sức và sự nhiệt tình của anh A.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, người đại diện của anh A có bản tự khai trình bày:

Nguồn gốc đất tại số 163 Hồ Sen: Năm 1998, vợ chồng anh A là người trực tiếp mua và giao tiền mua đất cho vợ chồng bà Đào Thị H và ông Nguyễn Đức F. Việc mua này thể hiện rõ tại “Biên bản giao kèo mua bán” lô đất ngày 21/4/1998 và có ông Vy là người làm chứng. Khi mua mảnh đất này, số tiền hơn 90 triệu đồng là tiền của vợ chồng anh A và chị C trực tiếp đi giao kèo. Việc ông D khai là tiền của ông D đưa cho vợ chồng anh A là không có căn cứ và đúng sự thật. Lời trình bày của ông D chỉ là một phía, không có căn cứ nhưng bản án sơ thẩm lấy đó làm căn cứ xác định thửa đất tại số 163 Hồ Sen là của vợ chồng ông D và bà E là không đúng pháp luật. Tại biên bản giao kèo mua bán, vợ chồng anh A là người trực tiếp giao tiền cho bên bán, nguồn tiền để mua thửa đất nêu trên là tiền của vợ chồng anh A.

Bản trích đồ khi đó nhờ bà Đào Thị Kim E mua, thực ra là bà E chỉ đứng tên giúp vợ chồng ngày đó. Vì thời điểm đó hai vợ chồng đều là công chức nhà nước, nhờ mẹ vợ đứng tên để sau này được phân chia nhà theo chế độ và do là

đất nông nghiệp, không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng anh A là người nộp thuế hàng năm. Như vậy, căn cứ vào biên bản giao tiền mua đất là căn cứ xác định đây là tài sản chung của vợ chồng anh A. Sau đó vợ chồng anh A xây dựng nhà ở và dẫy nhà trọ cho thuê trên đất. Toàn bộ tiền thu được từ việc cho thuê nhà trọ phục vụ mục đích sinh hoạt gia đình của vợ chồng anh A.

Mặt khác, khi chị C soạn thảo văn bản thoả thuận ngày 04/9/2011 do chị C tự viết tay, đưa ra thoả thuận có chữ ký xác nhận hai bên và con trai thì chị C đồng ý ½ mảnh đất tại số 163 Hồ Sen chia cho con gái sẽ do anh A quản lý đến khi con gái trưởng thành mà không hề đề cập lô đất trên của bà E. Đây được hiểu là theo ý chí mong muốn của chị C và anh A cũng đồng ý. Tại thời điểm này, ý chí của chị C là tài sản chung của vợ chồng nên mới có những thoả thuận chia tài sản chung. Ông Phú và mọi người đều biết nhưng không khiếu nại gì, không ý kiến gì. Như vậy, thực tế nhà và đất tại số 163 Hồ Sen là của vợ chồng anh A và chị C.

Nguyên đơn yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16/12/2016 vô hiệu: Hợp đồng tặng cho trái pháp luật vì trên đất còn có nhà ở của vợ chồng anh A. Việc tặng cho không có sự thoả thuận hay đồng ý từ những người có tài sản trên đất là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của anh A, đồng thời do nguồn gốc đất không phải sở hữu của ông D, bà E. Từ đó cần kiến nghị huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 364140 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, Hải Phòng cấp ngày 09/5/2014.

Người đại diện của anh A yêu cầu cấp phúc thẩm xác minh về việc đóng thuế sử dụng đất hàng năm và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại mảnh đất số 163 Hồ Sen.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đối với chiếc xe ô tô 5 chỗ GENTRA. Người đại diện của nguyên đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

*Thứ nhất*, về nguồn gốc mảnh đất tại số 163 Hồ Sen, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Xét thấy, năm 2014 khi viết đơn xin ly hôn hay “*Bản các mốc chính kinh tế gia đình*” cũng như toàn bộ các lời khai anh A đều thừa nhận ở nhờ nhà ngoại, toàn bộ số tiền mua đất là 94 triệu đồng đều do ông D (bố chị C) trả phù hợp với lời khai của chị C, ông D và bà E nên không có cơ sở chấp nhận trình bày của đại diện nguyên đơn về việc tiền là của anh A. Tại Biên bản giao kèo ngày 15/5/1998 cũng thể hiện bên mua anh A, chị C (*ghi chú bên cạnh là thay mặt cho mẹ vợ đứng tên mua - Đào Kim E*). Năm 2014, Ủy ban nhân dân quận Lê Chân đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông D và bà E. Vì vậy, không có căn cứ để xác định diện tích đất là tài sản chung của anh A, chị C. Về công trình xây dựng trên đất, các bên đều thừa nhận là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, anh A cũng thừa nhận đã nhận 500 triệu đồng là ½ giá trị tài sản nên không có căn cứ để xem xét. Về yêu cầu công sức giữ gìn, tu tạo, duy trì và phát triển khối tài sản chung, xét vợ chồng anh A, chị C đã tự kinh doanh và thu lợi trên diện tích đất của ông D, bà E trước khi tặng cho chị C nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này.

*Thứ hai*, anh A yêu cầu Tòa án xem xét tài sản trong thời kỳ hôn nhân 27 năm nhưng không có chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở để xem xét.

*Thứ ba*, đối với tài sản chung là chiếc xe ô tô 5 chỗ Gentra, anh A yêu cầu được hưởng 100% giá trị chiếc xe theo biên bản chia tài sản chung giữa anh và chị C. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn đã xin rút yêu cầu này.

*Thứ tư*, yêu cầu của anh A về công sức đóng góp đối với 02 căn nhà ở khu tập thể phát điện và số 28 Hoàng Quý, 04 lần chuyển nhà và những công sức đóng góp của anh A đối với nhà ngoại nhưng anh A không có chứng cứ gì chứng minh. Mặt khác, thực tế anh A và chị C được ở nhờ nhà ngoại tại số căn nhà số 163 Hồ Sen nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại số 163 Hồ Sen. Như đã phân tích ở trên thì đây chỉ là ý kiến mang tính chủ quan của phía nguyên đơn và không có đủ cơ sở để chấp nhận.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

- Xét kháng cáo của anh A:

[1] Về nguồn gốc diện tích đất tại số 163 Hồ Sen và xác định đây là tài sản chung của anh A, chị C: Anh A căn cứ vào biên bản giao kèo mua bán ngày

15/5/1998 để xác định nguồn gốc nhà đất 163 Hồ Sen là tài sản chung của anh với chị C. Tuy nhiên xem xét nội dung biên bản này thấy:... “bên bán là bà Đào Thị H và ông Nguyễn Đức F, bên mua chồng Phạm Tiến A, vợ Nguyễn Thị Phi C thay mặt cho mẹ vợ đứng tên mua – Đào Kim E...thông nhất cùng mua và bán lô đất diện tích 106,18m<sup>2</sup> do bà Đào Thị Kim Phú đứng tên trong bản địa chính...Kể từ ngày hôm nay (ngày 15 tháng 5 năm 1995) bà E hoàn toàn được sử dụng lô đất trên”, có người làm chứng là ông Nguyễn Quang K và ông Đỗ Quang L làm chứng và xác nhận giáp ranh với bà E. Và đến ngày 21/4/1998, tại đơn xin bán nhà ngày 21/4/1998 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Hàng Kênh thể hiện bên bán là bà Đào Thị H và ông Nguyễn Đức F xin được bán nhà số 48 ngõ 87 Nguyễn Công Trứ cho bà Đào Thị E, tổng diện tích đất là 106m<sup>2</sup>. Mặt khác, tại đơn khởi kiện, anh A cũng thừa nhận toàn bộ tiền mua đất (92 triệu đồng) là ông D trả. Tại văn bản xác nhận của vợ chồng về các vấn đề liên quan trước khi ký đơn ly hôn ngày 08/02/2014 giữa anh A và chị C đều xác nhận: “Nguồn kinh tế nhìn thấy của gia đình hiện tại là các bất động sản thì 100% đều liên quan với gia đình ngoại. Còn có hay không khoản tiền mặt do tích lũy của gia đình thì do vợ quản lý, đến giờ tôi không nhìn thấy”. Anh A cho rằng vì tin lời ông D là mua cho vợ chồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông D mua cho anh A và chị C. Căn cứ vào lời khai của anh A và các chứng cứ như trên thấy nguồn gốc đất tại số 163 Hồ Sen là do ông D bà E nhận chuyển nhượng lại của bà Lĩnh và ông Mão, không có căn cứ xác định diện tích đất tại số 163 Hồ Sen là tài sản chung của anh A và chị C có trong thời kỳ hôn nhân. Sau khi anh A và chị C ly hôn, ông D và bà E đã tặng cho riêng chị C và chị C đã được Ủy ban nhân dân quận Lê Chân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 12/10/2017 nên được xác định là tài sản riêng của chị C và chị C có quyền tự định đoạt tài sản của mình, trong đó chị C đã tặng cho con trai là Phạm Đức I ½ diện tích đất. Do vậy, ngày 04/9/2011 chị C tự viết và tự đưa ra thoả thuận về việc phân chia tài sản này khi chưa được sự đồng ý của ông D và bà E nên văn bản này không có giá trị pháp lý vì tại thời điểm đó, diện tích đất tại số 163 Hồ Sen là tài sản hợp pháp của ông D và bà E.

[2] Về tài sản trên đất tại số 163 Hồ Sen trước đây là 06 gian nhà trọ có full sàn gác bằng gỗ khoảng 55 triệu đồng là do anh A trả: Chị C, ông D và bà E và cũng thừa nhận nội dung này nên xác định phần tài sản trên đất là tài sản chung của chị C và anh A. Tài sản này đã được chị C sửa chữa lại sau khi chị C và anh A ly hôn. Toàn bộ tài sản trên diện tích đất này đã được bồi thường theo dự án Hồ Sen – Cầu Rào 2 là 1.037.057.000 đồng. Chị C đã chuyển cho anh A 500.000.000 đồng tiền bồi thường giá trị tài sản trên đất mặc dù phần tài sản này được chị C sửa chữa sau khi vợ chồng ly hôn và cấp sơ thẩm xác định chị C có công sức tạo dựng tài sản nhiều hơn anh A là có căn cứ.

[3] Về chiếc xe ô tô 5 chỗ GENTRA: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của anh A đã rút yêu cầu này. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của anh A phù hợp với phạm vi ủy quyền, phù hợp với Điều 70 của Bộ luật Tố tụng và được bị đơn đồng ý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu xem xét công sức đóng góp của anh A vào các tài sản khác là gian nhà giáp đuôi nhà ông D tại khu tập thể phát điện và gian nhà kho giáp căn nhà 18 Hoàng Quý của ông D (giá trị công sức tài sản mà vợ chồng gây dựng nên trong 27 năm qua do một tay chị Nguyễn Thị Phi C quản lý): Căn cứ vào lời khai của anh A, xác định các tài sản trên không còn tại thời điểm khởi kiện. Bản thân anh A cũng thừa nhận “nguồn kinh tế nhìn thấy của gia đình hiện tại là các bất động sản thì 100% đều liên quan với gia đình ngoại”. Anh A không có các tài liệu nào chứng minh là tài sản chung của anh và chị C. Chị C xác nhận tài sản trên là do bố mẹ chị lấn chiếm. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chị C chỉ ở nhờ nhà bố mẹ. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của anh A trình bày các tài sản trên chưa có giấy tờ hợp pháp mang tên chị C và anh A, cũng như không có tài liệu nào chứng minh công sức của anh A vào các tài sản trên nên kháng cáo nội dung này cũng không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về nội dung yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho và kiến nghị huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại nhà đất số 163 Hồ Sen: Đây là nội dung kháng cáo vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Nội dung này chưa được cấp sơ thẩm giải quyết. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của anh A thay đổi yêu cầu và cho rằng đây là ý kiến của bị đơn đối với nội dung này. Tuy nhiên, như phân tích ở phần trên, diện tích đất tại số 163 Hồ Sen là tài sản của ông D và bà E nên chị C được tặng cho là có căn cứ. Cũng như việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân là đúng quy định của Luật Đất đai nên không chấp nhận ý kiến này của người đại diện theo ủy quyền của anh A.

[6] Về yêu cầu thu thập hồ sơ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tại số 163 Hồ Sen: Tại cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ tài liệu trên tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Lê Chân nên cấp phúc thẩm không cần thu thập.

[7] Về yêu cầu xác minh ai là người nộp thuế tại nhà đất số 163 Hồ Sen: Tại các lời khai của anh A khai vợ chồng anh là người nộp thuế. Mặt khác, trên thực tế vợ chồng anh A quản lý, sử dụng thì phải có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Ngoài ra, việc xác minh ai là người nộp thuế cũng không là chứng cứ để xác định diện tích đất tại số 163 Hồ Sen là tài sản chung của chị C và anh A. Do vậy, cấp phúc thẩm không xác minh nội dung theo yêu cầu của anh A.

[8] Về án phí ly hôn phúc thẩm: Anh Phạm Tiến A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng anh A là người cao tuổi nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp cho anh A.

[9] Từ những nhận định như trên, không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Tiến A. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5, khoản 8 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Tiến A.
2. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tiến A.
3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đối với nội dung xác định giá trị xe ô tô 5 chỗ GENTRA.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn án phí cho anh Phạm Tiến A.
5. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Trả lại anh Phạm Tiến A 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014292 ngày 18 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, Hải Phòng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND quận Lê Chân
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồ Điệp**









